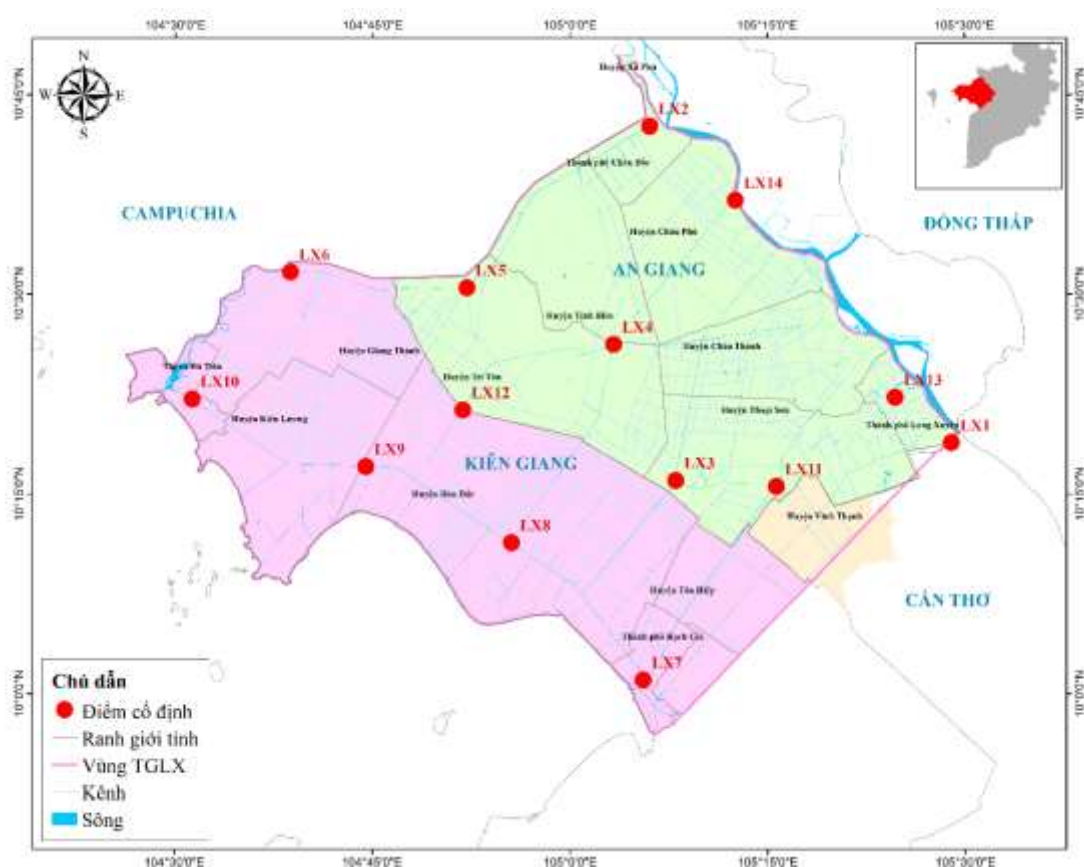


BẢN TIN TUẦN KỲ 17

“Đợt đo ngày 10/06/2025, dự báo từ ngày 19/06÷25/06/2025”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 10/06/2025

Nhiệm vụ quan trắc tại 14 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

Bảng 1: Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 14 vị trí giám sát

TT	Vị trí thu mẫu	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	Tổng Nito (TN)	Tổng Phosphor (TP)	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	(Kí hiệu)		‰	mg/l		mgO ₂ /l		mg/l		MPN/100ml		
	QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, mức B)	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15	≤ 1,5	≤ 0,3	≤5.000		
1	Đầu kênh Cái Sắn phía sông Hậu (LX1)	6,92	0,0	37,82	5,05	12,1	24,2	0,49	0,18	8100	55	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
2	Đầu kênh Vĩnh Tế phía sông Hậu (LX2)	6,65	0,1	40,50	6,01	7,7	15,3	0,50	0,19	7600	66	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
3	Giao của kênh Ba Thê và kênh Ba Thê mới (LX3)	6,67	0,1	62,80	6,15	11,4	20,6	1,73	0,14	6900	65	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
4	Giao của kênh Tri Tôn, Trà Sư và Mạc Cần Dung (LX4)	6,56	0,1	79,55	3,58	16,2	29,7	4,23	0,28	6400	52	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
5	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh T5 (LX5)	6,44	0,1	56,77	5,22	13,7	25,7	2,14	0,09	8400	53	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
6	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh Hà Giang (LX6)	6,1	0,2	122,30	4,34	20,7	36,5	7,79	0,14	3400	57	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.

*Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 10/06/2025)*

7	Tp, Rạch Giá, cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên (LX7)	5,9	0,1	46,11	3,86	15,3	26,4	3,70	0,22	9200	40	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
8	Giao giữa kênh Tri Tôn và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX8)	5,54	0,1	89,15	5,18	22,7	38,7	5,85	0,08	13000	15	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Ô nhiễm nặng ”, cần có biện pháp xử lý trước khi sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
9	Giao giữa kênh T5 và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX9)	5,31	0,1	59,42	5,38	23,7	42,8	13,20	0,20	28000	3	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Ô nhiễm rất nặng ”, cần có biện pháp xử lý trước khi sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
10	Giao giữa kênh Hà Giang và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (Cầu Hà Giang) (LX10)	7,26	14,9	76,40	6,45	9,1	16,4	1,68	0,04	7200	68	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”. Đây là khu vực nuôi tôm nước lợ, giá trị độ mặn vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp để lấy nước vào các ruộng tôm (7-25‰).
11	Giao giữa kênh Ba Thê Mới và Kênh Rạch Giá Long Xuyên (LX11)	6,64	0,1	108,22	4,98	18,4	32,1	5,39	0,12	32000	30	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
12	Giao của kênh Tám Ngàn và kênh ranh An Giang-Kiên Giang (LX12)	6,5	0,1	92,36	5,44	15,2	28,4	3,18	0,06	9500	47	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
13	Đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên từ sông Hậu vào (LX13)	6,91	0,0	78,10	6,01	8,6	16,7	0,90	0,26	6900	68	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 10/06/2025)

14	Đầu kênh Vĩnh Tre phía sông Hậu (LX14)	6,68	0,0	69,79	5,56	7,3	14,5	0,78	0,18	5400	73	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
----	--	------	-----	-------	------	-----	------	------	------	------	----	--

Nhận xét chung: Qua đợt quan trắc ngày 10/06/2025 cho thấy: Các thông số môi trường nước như Độ mặn, DO, pH, TSS, tổng Phosphor tại hầu hết các trạm giám sát trong hệ thống CTTL TGLX đều đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT.

- Chỉ tiêu BOD₅, COD tại hầu hết các trạm tiếp tục không đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT, cho thấy khu vực tiếp tục có nguy cơ bị ô nhiễm hữu cơ khá cao, điều này có thể gây ra sự giảm nồng độ Oxy trong nước, ảnh hưởng đến sự sống của các sinh vật thủy sinh và toàn bộ hệ sinh thái thủy sinh, suy giảm khả năng tự làm sạch của thủy vực.

- Bên cạnh đó, chỉ tiêu tổng Nitơ và Coliform tại phần lớn các trạm không đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT cho thấy khu vực tại các trạm này có nguy cơ bị ô nhiễm dinh dưỡng và Coliform khá cao. Tại các trạm ghi nhận hàm lượng Coliform cao không sử dụng nguồn nước này để tưới các loại rau ăn lá.

- Đáng chú ý, điểm LX9 có giá trị WQI giảm mạnh ở mức “**Ô nhiễm rất nặng**” với nguy cơ ô nhiễm hữu cơ, ô nhiễm dinh dưỡng và Coliform ở mức khá cao, nên người dân khu vực này cần chú ý theo dõi và có biện pháp xử lý trước khi sử dụng nguồn nước. Khu vực này có dân cư tập trung đông đúc, hoạt động giao thông thủy thường xuyên, nguồn nước thải sinh hoạt đổ trực tiếp ra kênh là một số nguyên nhân làm cho chất lượng nước khu vực này có xu hướng giảm mạnh; ngoài ra, thời gian này là đầu mùa mưa nên khu vực có mưa lớn cục bộ làm rửa trôi các vật chất trên bờ vào các hệ thống kênh cũng ảnh hưởng đến chất lượng nước của khu vực này.

Ghi chú: Các giá trị in đậm là giá trị vượt ngưỡng cho phép.

Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

2. Dự báo chất lượng nước ngày 19/06÷25/06/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, tổng Nitơ (TN) từ ngày 19/06÷25/06/2025 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 19/06÷25/06/2025 dao động trong khoảng 0,00÷22,44‰; độ mặn được dự báo có xu hướng giảm tại hầu hết các điểm giám sát so với giá trị thực đo ngày 10/06/2025 (Bảng 2).

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 19/06÷25/06/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							(‰)	
		19/06	20/06	21/06	22/06	23/06	24/06	25/06	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,07	0,02	0,07	0,06	0,08	0,03	0,05	0,02	0,08
	LX2	0,02	0,02	0,10	0,06	0,07	0,09	0,01	0,01	0,10
	LX13	0,03	0,09	0,04	0,05	0,03	0,07	0,04	0,03	0,09
	LX14	0,03	0,02	0,02	0,01	0,04	0,01	0,05	0,01	0,05
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0,10	0,02	0,01	0,05	0,03	0,01	0,01	0,01	0,10
	LX4	0,07	0,04	0,07	0,07	0,06	0,09	0,02	0,02	0,09
	LX5	0,00	0,02	0,09	0,06	0,07	0,08	0,05	0,00	0,09
	LX6	0,01	0,07	0,10	0,04	0,08	0,05	0,02	0,01	0,10
	LX11	0,04	0,02	0,08	0,03	0,03	0,05	0,02	0,02	0,08
	LX12	0,03	0,07	0,08	0,04	0,09	0,01	0,04	0,01	0,09
Phía ven biển Tây	LX7	0,08	0,01	0,08	0,06	0,07	0,05	0,07	0,01	0,08
	LX8	0,10	0,06	0,08	0,08	0,06	0,08	0,03	0,03	0,10
	LX9	0,06	0,06	0,02	0,02	0,01	0,03	0,07	0,01	0,07
	LX10	19,14	20,76	22,44	22,09	19,76	16,07	13,54	13,54	22,44
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰	>4‰						
Khuyến cáo		- Từ ngày 19/06÷25/06/2025, nguồn nước khu vực canh tác lúa không bị nhiễm mặn, sử dụng tốt để tưới tiêu cho lúa và hoa màu. - Độ mặn tại điểm LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) có độ mặn được dự báo có xu hướng tăng nhẹ nhưng vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp để nuôi tôm nước lợ (7-25‰) nên bà con yên tâm để lấy nước vào các vuông tôm.								

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Giá trị DO dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 4,64÷6,05 mg/l, giá trị DO dự báo có xu hướng tăng tại phần lớn các điểm giám sát (8/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 10/06/2025 (Bảng 3).

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 19/06÷25/06/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		19/06	20/06	21/06	22/06	23/06	24/06	25/06	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	4,87	4,92	5,00	5,06	5,12	5,18	5,26	4,87	5,26
	LX2	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98
	LX13	6,05	6,05	6,04	6,04	6,03	6,03	6,03	6,03	6,05
	LX14	5,56	5,52	5,46	5,42	5,40	5,39	5,39	5,39	5,56
Khu vực	LX3	5,53	5,54	5,56	5,60	5,62	5,66	5,67	5,53	5,67

giữa nội đồng	LX4	4,83	4,86	4,88	4,91	4,93	4,86	4,82	4,82	4,93
	LX5	5,76	5,77	5,79	5,83	5,85	5,87	5,87	5,76	5,87
	LX6	4,78	4,97	5,07	5,13	5,20	5,25	5,26	4,78	5,26
	LX11	4,77	4,79	4,83	4,87	4,87	4,90	4,99	4,77	4,99
	LX12	5,66	5,65	5,65	5,65	5,66	5,69	5,72	5,65	5,72
Phía ven biển Tây	LX7	4,64	4,71	4,77	4,80	4,81	4,79	4,76	4,64	4,81
	LX8	5,15	5,23	5,31	5,37	5,42	5,43	5,38	5,15	5,43
	LX9	5,35	5,36	5,32	5,28	5,24	5,20	5,17	5,17	5,36
	LX10	5,74	5,70	5,67	5,66	5,65	5,64	5,64	5,64	5,74
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≥ 6			Đạt mức B: ≥ 5		Không đạt mức B: <5			
Khuyến cáo		- Từ ngày 19/06÷25/06/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị oxy hòa tan dự báo tại hầu hết các điểm giám sát đều đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT nên đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. - Riêng điểm LX4, LX7 và LX11 có giá trị DO được dự báo thấp trong nhiều ngày nên người dân cần chú ý khi sử dụng nguồn nước.								

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 7,40÷23,67 mg/l, giá trị BOD₅ dự báo có xu hướng giảm tại phần lớn các điểm giám sát (9/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 10/06/2025 (Bảng 4).

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 19/06÷25/06/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		19/06	20/06	21/06	22/06	23/06	24/06	25/06	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	12,12	12,02	11,94	11,88	11,72	11,56	11,47	11,47	12,12
	LX2	8,63	8,63	7,96	7,95	7,94	7,94	7,94	7,94	8,63
	LX13	9,11	9,02	8,98	8,98	9,12	9,29	9,26	8,98	9,29
	LX14	7,40	7,41	7,42	7,46	7,50	7,55	7,54	7,40	7,55
Khu vực giữa nội đồng	LX3	11,67	11,90	11,77	11,56	11,30	11,06	11,09	11,06	11,90
	LX4	13,80	13,82	13,86	14,07	14,50	15,19	15,95	13,80	15,95
	LX5	11,90	12,06	12,41	12,70	12,81	13,07	13,30	11,90	13,30
	LX6	18,33	18,95	18,94	18,38	17,65	17,24	17,17	17,17	18,95
	LX11	19,76	16,07	13,54	13,71	14,41	13,76	13,18	13,18	19,76
Phía ven biển Tây	LX12	14,73	15,98	17,98	17,79	16,74	15,89	15,26	14,73	17,98
	LX7	13,63	14,57	15,40	15,84	15,91	15,65	15,13	13,63	15,91
	LX8	23,67	21,18	19,98	19,95	19,88	19,55	19,34	19,34	23,67
	LX9	23,63	22,60	21,62	20,81	20,13	19,52	19,07	19,07	23,63
	LX10	8,28	8,22	8,19	8,20	8,23	8,27	8,27	8,19	8,28
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≤ 4			Đạt mức B: ≤ 6			Không đạt mức B: > 6		
Khuyến cáo		- Từ ngày 19/06÷25/06/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị Oxy sinh hóa dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều không đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT cho thấy khu vực khảo sát tiếp tục có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ khá cao.								

2.4. Tổng Nito (TN)

Giá trị tổng Nito dự báo dao động trong khoảng từ 0,32÷13,90 mg/l, giá trị tổng Nito dự báo có xu hướng giảm tại phần lớn các điểm giám sát (8/14 điểm) so với giá

trị thực đo ngày 10/06/2025 (Bảng 5).

Bảng 5: Giá trị dự báo tổng Nito tại các điểm giám sát từ 19/06÷25/06/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		19/06	20/06	21/06	22/06	23/06	24/06	25/06	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,32	0,42	0,56	0,70	0,77	0,82	0,81	0,32	0,82
	LX2	0,75	0,66	0,62	0,61	0,58	0,56	0,53	0,53	0,75
	LX13	2,02	2,07	2,16	2,10	2,04	2,00	1,98	1,98	2,16
	LX14	1,15	1,01	0,90	0,80	0,74	0,68	0,65	0,65	1,15
Khu vực giữa nội đồng	LX3	2,06	2,07	1,99	1,87	1,78	1,74	1,73	1,73	2,07
	LX4	4,04	4,14	4,02	4,25	4,77	3,92	3,53	3,53	4,77
	LX5	1,29	1,22	1,11	1,01	1,07	1,17	1,28	1,01	1,29
	LX6	7,31	7,50	7,11	5,81	4,30	3,76	4,14	3,76	7,50
	LX11	3,63	3,56	3,48	3,43	3,40	3,40	3,46	3,40	3,63
	LX12	3,40	3,44	3,47	3,48	3,50	3,51	3,52	3,40	3,52
Phía ven biển Tây	LX7	2,55	2,61	2,84	3,18	3,42	3,42	3,28	2,55	3,42
	LX8	3,94	3,97	3,89	3,71	3,42	3,14	2,93	2,93	3,97
	LX9	11,49	12,64	13,90	13,26	12,01	11,44	11,56	11,44	13,90
	LX10	1,33	1,56	1,68	1,59	1,45	1,39	1,37	1,33	1,68
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≤ 0,6			Đạt mức B: ≤ 1,5			Không đạt mức B: >1,5		
Khuyến cáo		- Từ ngày 19/06÷25/06/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị tổng Nito (TN) dự báo tại phần lớn các điểm giám sát không đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT cho thấy khu vực khảo sát có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng khá cao, nên người dân cần chú ý theo dõi trước khi lấy nước cho mục đích tưới tiêu trồng trọt.								

Khuyến cáo chung:

Trong tuần từ 19/06÷25/06/2025, chất lượng nước trong hệ thống CTTL Tứ Giác Long Xuyên dự báo ở các thông số Độ mặn và DO có xu hướng tốt ở nhiều điểm giám sát, các giá trị dự báo phần lớn nằm trong giới hạn cho phép để phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. Thông số BOD₅ và tổng Nito được dự báo tại hầu hết các điểm giám sát đều không đạt mức B, cho thấy khu vực khảo sát có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm dinh dưỡng khá cao nên người dân vẫn cần theo dõi nguồn nước thường xuyên. Điểm LX10 (khu vực nuôi tôm nước lợ), độ mặn dự báo vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp cho nuôi tôm.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CCTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Kiên Giang, An Giang;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi , Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB


VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN
Phạm Văn Tùng